Công Ty C Phần D t May Gia nh
Digitally signed by Công Ty C Phần D t May Gia nh
DN: cn=Công Ty C Phần D t May Gia nh c=VN l=1
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-22 11:13+07:00

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY GIA ĐỊNH

Địa chỉ : 10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Q1, Tp.HCM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 1/2019

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	57,833,844,000	60,391,237,920
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		57,833,844,000	60,391,237,920
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	49,802,530,492	49,676,528,856
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		**8,031,313,508**	**10,714,709,064**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	169,503,083	250,610,759
7. Chi phí tài chính	22	VI.28		104,361,911
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23			104,361,911
8. Chi phí bán hàng	24		122,215,000	15,014,912
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7,626,384,592	7,779,676,928
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		**452,216,999**	**3,066,266,072**
11. Thu nhập khác	31		165,232,777	33,118,061
12. Chi phí khác	32		69,000,000	70,120,856
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		**96,232,777**	**(37,002,795)**
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		**548,449,776**	**3,029,263,277**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 - 52)	60		**548,449,776**	**3,029,263,277**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu(*)	71			

Lập ngày 20 Tháng 04 Năm 2019

Người lập biểu	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đặng Thị Phương Thúy	Lê Phan Hoàng Long	LÊ HÙNG

M.S.D.N:0300744507-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY GIA ĐỊNH QUẬN 1-TP HỒ CHÍ MINH

Công Ty C Phần D t May Gia n nh
Digitally signed by Công Ty C Phần D t May Gia n nh
DN: cn=Công Ty C Phần D t May Gia n nh, c=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-22 11:15:07:00

Đơn vị báo cáo : Cty CP Dệt May Gia Định
Địa chỉ : 10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Q.1 TP.HCM

Mẫu số B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2019 ĐẾN 31/03/209

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	CUỐI KỲ	ĐẦU KỲ
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100)=110+120+130+140+150	**100**		**160,631,160,509**	**195,779,825,656**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**64,615,879,110**	**79,385,148,751**
1.Tiền	111	V.01	64,615,879,110	79,385,148,751
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	V.02	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**51,379,877,094**	**67,229,419,928**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		32,948,765,295	48,673,252,957
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	18,431,111,799	18,556,166,971
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	**140**		**44,569,443,604**	**49,119,312,297**
1. Hàng tồn kho	141	V.04	44,569,443,604	49,119,312,297
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**65,960,701**	**45,944,680**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		65,960,701	45,944,680
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.05	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN				
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**700,676,066,780**	**701,891,868,052**
I- Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.06		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.07		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định=221+224+227	**220**		**237,920,195,867**	**239,572,331,496**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	76,196,312,160	77,848,447,789
- Nguyên giá	222		164,587,523,572	164,111,127,333
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	223		(88,391,211,412)	(86,262,679,544)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	161,723,883,707	161,723,883,707
- Nguyên giá	228		161,793,413,280	161,793,413,280

Công Ty C Ph Fn D t May Gia n nh
Digitally signed by Công Ty C Ph Fn D t May Gia n nh
DN: cn=Công Ty C Ph Fn D t May Gia n nh, o=VN H-1
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-22 11:16:47:00

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	CUỐI KỲ	ĐẦU KỲ
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	229		(69,529,573)	(69,529,573)
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**V.12**	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**13,883,623,291**	**13,883,623,291**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	13,883,623,291	13,883,623,291
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**434,573,830,369**	**434,573,830,369**
1. Đầu tư vào công ty con	251		180,832,000,607	180,832,000,607
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		253,741,829,762	253,741,829,762
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13		
5. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**14,298,417,253**	**13,862,082,896**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	14,298,417,253	13,862,082,896
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**861,307,227,289**	**897,671,693,709**
NGUỒN VỐN				
A -NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**259,085,930,998**	**295,998,847,193**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**258,363,003,594**	**295,236,544,789**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		13,484,563,762	19,996,644,959
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	23,527,628,603	46,387,644,947
4. Phải trả người lao động	314		13,150,808,755	23,083,212,021
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	698,603,263	395,343,291
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	208,486,417,142	206,358,717,502
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		1,063,851,141	1,063,851,141
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi vả quản lý điều hành	322		(2,048,869,072)	(2,048,869,072)
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	**330**		**722,927,404**	**762,302,404**
1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.19		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20		
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21		
12. Dự phòng phải trả dài hạn (*)	342			-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		722,927,404	762,302,404
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	*400*		*602,221,296,291*	*601,672,846,515*
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.22**	**602,221,296,291**	**601,672,846,515**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		627,389,556,647	627,389,556,647
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			

Công Ty C Ph n D t May Gia nh
Digitally signed by Công Ty C Ph C T May Gia nh
DN: cn=Công Ty C Ph C T May Gia nh, c=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-22 11:16:07 00

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	CUỐI KỲ	ĐẦU KỲ
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	417		-	
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
10. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		134,593,007	134,593,007
11. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		121,663,000	121,663,000
12. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(25,424,516,363)	(25,972,966,139)
- LNST chưa PP luỹ kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(25,972,966,139)*	*(25,972,966,139)*
- LNST chưa PP kỳ này	*421b*		*548,449,776*	-
13. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	V.23		-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**861,307,227,289**	**897,671,693,709**

Số liệu báo cáo tài chính của giai đoạn công ty cổ phần sẽ được lập bắt đầu từ ngày 05/8/2016 theo giấy chứng nhận ĐKKD. Tuy nhiên, do công tác quyết toán giai đoạn chuyển thể từ DNNN sang công ty cổ phần chưa hoàn thành nên số liệu vốn và tài sản DNNN bàn giao cho công ty cổ phần chưa phải là số chính xác, vì thế số liệu báo cáo quyết toán tài chính từ ngày 6/8/2016 đến nay là số tạm tính.

Lập ngày 20 Tháng 04 Năm 2019

Người lập biểu	Kế Toán Trưởng	Tổng Giám Đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đặng Thị Phương Thúy	Lê Phan Hoàng Long	LÊ HÙNG

M.S.D.N: 0300745... CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY GIA ĐỊNH QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY GIA ĐỊNH
Địa chỉ: 10-12-14-16 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Công Ty C Ph n D t May Gia n nh
Digitally signed by Công Ty C Ph n D t May Gia n nh
DN: cn=Công Ty C Ph n D t May Gia n nh c=VN l=1
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2019-04-22 11:16+07:00

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/03/2019

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 1 Năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 1 Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		548,449,776	3,029,263,277
	2. Điều chỉnh các khoản		**2,076,673,878**	**1,941,946,743**
02	- Khấu hao tài sản cố định		2,128,531,868	1,941,946,743
03	- Các khoản dự phòng			
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện			
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(51,857,990)	
06	- Chi phí lãi vay			
08	**3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**2,625,123,654**	**4,971,210,020**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		15,829,526,813	1,596,362,078
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4,549,868,693	2,367,852,407
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(36,873,541,195)	6,269,981,535
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(436,334,357)	(16,671,294,940)
13	- Tiền lãi vay đã trả			
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12,482,990	
16	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(14,292,873,402)**	**(1,465,888,900)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(476,396,239)	4,157,588,720
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(476,396,239)**	**4,157,588,720**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được			
34	4. Tiền trả nợ gốc vay			
35	5. Tiền trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		-	-
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)**		**(14,769,269,641)**	**(5,623,477,620)**
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		79,385,148,751	33,238,332,383
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5.1	**64,615,879,110**	**27,614,854,763**

Lập ngày 20 Tháng 04 Năm 2019

Người lập biểu	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	
Đặng Thị Phương Thúy	Lê Phan Hoàng Long	LÊ HÙNG

M.S.D.N: 0300744... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY GIA ĐỊNH QUẬN 1-T.P. HỒ CHÍ MINH